

NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN CÔNG DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HOÀNG ANH TUYẾN*

Trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, vấn đề quyền con người và bảo đảm quyền con người trong thực tiễn được xác định là vấn đề cơ bản. Tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân là tư tưởng xuyên suốt trong Hiến pháp năm 2013. Bài viết nghiên cứu những nội dung mới của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 về bảo vệ quyền con người và quyền công dân trong tố tụng hình sự.

Từ khóa: Quyền con người, quyền công dân, tố tụng hình sự.

In the context of building the socialist rule-of-law nation of the people, by the people and for the people, the human rights and its protection in the practice are considered as the fundamental issue. Respecting, protecting and ensuring the human rights as well as the citizen rights are the main thoughts throughout the Constitution of 2013. The paper studies some new contents of the Criminal Procedure Code of 2015 on the protection of human rights and citizen rights in terms of criminal proceedings.

Keywords: Human rights, citizen rights, criminal proceedings.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc: Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Điều 14). Do vậy, yêu cầu của Hiến pháp về bảo đảm quyền con người, quyền công dân cần phải được cụ thể trong các đạo luật, nhất là trong BLTTHS.

BLTTHS năm 2015 đã thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời, chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội, đồng thời tôn trọng và

bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự. Cụ thể như sau:

1. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua việc ghi nhận các nguyên tắc tiến bộ và đổi mới của tố tụng hình sự

Nhằm bảo đảm các quy định về nguyên tắc cơ bản đúng nghĩa là những tư tưởng chỉ đạo đối với việc xây dựng và thực hiện BLTTHS, tạo cơ sở cho việc hình thành những chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung 05 nguyên tắc mới gồm: Công dân Việt Nam không

* Tiến sĩ, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, VKSNDTC

thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác (Điều 11); suy đoán vô tội (Điều 13); không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm (Điều 14); tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26); bảo đảm sự kiểm tra, giám sát trong hệ thống từng cơ quan tố tụng và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (Điều 33).

1.1. Về nguyên tắc suy đoán vô tội

Suy đoán vô tội là nguyên tắc quan trọng, có tính chất nền tảng, chi phối nhiều nguyên tắc khác của tố tụng hình sự. Do vậy, khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung và quy định đầy đủ nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Trên tinh thần đó, Điều 13 BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể hơn về nguyên tắc này, theo đó *“Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”*. Đồng thời, trong các điều luật cụ thể được sửa đổi, bổ sung đều quán triệt nguyên tắc này như: (1) Toàn bộ quá trình chứng minh tội phạm được Bộ luật quy định rất chặt chẽ, đầy đủ, cụ thể về trình tự, thủ tục, nhất là quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, theo đó bổ sung quy định những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự (Điều 87); mỗi chứng cứ phải được kiểm tra để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án (Điều 108). Trường hợp đã áp dụng đầy đủ các biện

pháp cần thiết mà vẫn không đủ căn cứ để chứng minh tội phạm thì phải kết luận họ không có tội, khôi phục và bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. (2) Bộ luật thay cụm từ *“người phạm tội”* bằng cụm từ *“người thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm”* (Điều 179, 180, 280...) nhằm nhấn mạnh, tạo sự nhận thức rõ ràng cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là chừng nào chưa có bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì người bị buộc tội vẫn chưa bị coi là có tội; những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không được đối xử với người bị buộc tội như người có tội.

Nguyên tắc suy đoán vô tội có mối quan hệ chặt chẽ với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa, nguyên tắc trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội cũng như bảo đảm quyền của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo được trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội. Sẽ là *“sự suy đoán có tội”* nếu các nguyên tắc và bảo đảm các quyền nêu trên của người bị buộc tội còn bị vi phạm trên thực tế; tương tự như vậy, nếu trách nhiệm chứng minh, quyền bào chữa và các quyền khác của người bị buộc tội được bảo đảm tức là đã bảo đảm trên thực tế yêu cầu của *“nguyên tắc suy đoán vô tội”*.

1.2. Về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa

Một trong những nhiệm vụ của BLTTHS là góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Khẳng định quyền bào chữa là một trong những quyền con người, quyền công dân quan trọng nhất

của người bị buộc tội, khoản 4 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa”; Điều 16 BLTTHS năm 2015 tiếp tục quy định nguyên tắc này, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện đầy đủ quyền bào chữa. Đồng thời, trong các điều luật cụ thể của Bộ luật có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng nhằm cụ thể hóa nguyên tắc này.

Thứ nhất, để bảo đảm tính hệ thống, tính đầy đủ, chặt chẽ, Bộ luật thiết kế một chương riêng (Chương V) quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến bào chữa như diện người bào chữa, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng, việc lựa chọn, chỉ định người bào chữa và các trình tự, thủ tục người bào chữa tham gia tố tụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. *Thứ hai*, để bảo đảm tốt hơn quyền của người bị buộc tội, phù hợp với Luật trợ giúp pháp lý, ngoài luật sư, người đại diện của người bị buộc tội, bào chữa viên nhân dân như BLTTHS năm 2003, Bộ luật mới mở rộng diện người bào chữa gồm cả Trợ giúp viên pháp lý nhằm bào chữa miễn phí cho các đối tượng thuộc diện chính sách được hưởng quyền trợ giúp pháp lý, đồng thời mở rộng diện người có quyền lựa chọn người bào chữa gồm cả người thân thích của người bị buộc tội (các điều 72, 75). *Thứ ba*, để tháo gỡ những khúc mắc thời gian qua liên quan đến việc bào chữa cho người đang bị tạm giữ, tạm giam, bảo đảm tính minh bạch của hoạt động tố tụng hình sự, Bộ luật bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam có trách nhiệm chuyển đơn yêu cầu người

bào chữa cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ theo yêu cầu ghi trong đơn của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam (Điều 75). *Thứ tư*, để người bào chữa thực hiện tốt việc bào chữa, gỡ tội, Bộ luật bổ sung một số quyền của người bào chữa như: Quyền thu thập chứng cứ; quyền có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt; quyền sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì có thể hỏi người bị bắt, bị tạm giữ, bị can thay vì chỉ được hỏi khi cơ quan tiến hành tố tụng đồng ý như hiện nay; quyền có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói... (Điều 73); quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan tố tụng phải phải báo trước một thời gian hợp lý cho người bào chữa về thời gian, địa điểm tiến hành các hoạt động tố tụng mà họ có quyền tham gia (Điều 79). *Thứ năm*, để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội theo khung hình phạt có quy định các loại, mức hình phạt nghiêm khắc và phù hợp với điều kiện cụ thể nước ta, BLTTHS năm 2015 mở rộng trường hợp phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là 20 năm tù, chung thân hoặc tử hình thay cho mức cao nhất là tử hình như hiện nay. *Thứ sáu*, nhằm tạo điều kiện cho người bào chữa nhanh chóng tham gia bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, Bộ luật thay quy định cấp giấy chứng nhận người bào chữa bằng quy định vào sổ đăng ký bào chữa và ra văn bản thông báo người bào chữa khi người bào chữa có đủ giấy tờ. Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tố tụng (Điều 78).

Việc quy định và cụ thể hóa nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa thông qua các trình tự, thủ tục minh bạch, rõ ràng, cụ

thể, có tính khả thi nhằm bảo đảm tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội, nhất là người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam.

1.3. Về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm

Tranh tụng là thành tựu của nền văn minh nhân loại, không chỉ thể hiện bản chất nhân đạo mà còn phản ánh xu hướng phát triển dân chủ và tiến bộ của tố tụng hình sự. Yêu cầu tranh tụng trong xét xử đã được đề ra trong nhiều Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, đặc biệt khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Với yêu cầu đó, BLTTHS năm 2015 đã quy định chi tiết nội dung của nguyên tắc quan trọng này tại Điều 26, giữ vai trò chi phối và định hướng cho toàn bộ hoạt động và hành vi tố tụng của tất cả các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết các vụ án hình sự, tạo cơ hội mở rộng và tăng cường hơn nữa môi trường dân chủ, tính công khai, công bằng của quá trình giải quyết vụ án hình sự; thiết lập các cơ chế để bảo vệ ngày càng tốt hơn quyền con người, bảo đảm quyền dân chủ cho bị can, bị cáo và người đại diện của họ, mở ra các khả năng và điều kiện tốt nhất để người bào chữa tham gia vào quá trình giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, triệt để, vô tư; bảo đảm việc giải quyết vụ án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trên cơ sở bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, BLTTHS năm 2015 có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa nguyên tắc này, bảo đảm nguyên tắc này được thực hiện trên thực tế.

Bộ luật quy định trách nhiệm của Tòa án trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng về việc cung cấp, bổ sung chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người

tham gia tố tụng khác đến phiên tòa; về việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; đề nghị của bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa về việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế (Điều 279).

Nhằm khắc phục tình trạng chất lượng tranh tụng còn hạn chế ở một số phiên tòa có đông bị cáo, có nhiều luật sư tham gia, do chỉ cho phép tối đa hai Kiểm sát viên tham gia như BLTTHS năm 2003, Bộ luật mới sửa đổi theo hướng không hạn chế số lượng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Số lượng cụ thể Kiểm sát viên do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định, trên cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng vụ án (Điều 289).

Nhằm cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm việc tranh tụng không chỉ thể hiện ở phần tranh luận mà còn được thể hiện ngay trong phần xét hỏi, BLTTHS năm 2015 đã nhập thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với thủ tục tranh luận tại phiên tòa (Chương XX và Chương XXI của BLTTHS năm 2003) thành “*Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa*” (Mục V Chương XXI – Xét xử sơ thẩm BLTTHS năm 2015).

Quy định của BLTTHS năm 2003 về trình tự xét hỏi còn đặt nặng trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Hội đồng xét xử, cụ thể Điều 207 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Khi xét hỏi từng người, Chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa...*”. Khắc phục hạn chế này, để thể hiện việc tranh tụng được thể hiện ngay trong phần xét hỏi tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung theo hướng *Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Khi xét hỏi từng người, Chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo*

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi (Điều 307); bổ sung quy định khi được Chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo được đặt câu hỏi với bị cáo khác, hỏi người làm chứng, hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề có liên quan đến bị cáo (các điều 309, 310 và 311). Sửa đổi theo hướng này để tạo ra một cơ chế thực sự dân chủ và bình đẳng tại phiên tòa, tạo điều kiện để thực hiện một cách có hiệu quả nhất quyền buộc tội và gỡ tội tại phiên tòa.

Để có cơ sở tranh luận dân chủ tại phiên tòa, Bộ luật bổ sung quy định nội dung luận tội của Kiểm sát viên (Điều 321) và nhấn mạnh trách nhiệm của Kiểm sát viên là phải đưa ra *chứng cứ, tài liệu* và lập luận để *đôi đáp đến cùng* từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Đồng thời, bổ sung trách nhiệm của Hội đồng xét xử là *phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án* (Điều 322).

Tóm lại, việc bổ sung nguyên tranh tụng trong xét xử được bảo đảm nhằm mở rộng và tăng cường tính dân chủ, công khai, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người, quyền dân chủ cho người bị buộc tội và người đại diện của họ, tạo ra các khả năng và điều kiện tốt nhất để họ thực hiện quyền bào chữa, tranh tụng; bảo đảm quá trình giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, triệt để, vô tư, việc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả và việc giải quyết vụ án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

2. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua việc bổ sung diện người tham gia tố tụng và quy định đầy đủ các quyền và cơ chế bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng

Thứ nhất, nhằm xác định rõ tư cách tham gia tố tụng, tạo cơ sở pháp lý cho những người tham gia vào hoạt động tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bên cạnh việc tiếp tục quy định 11 diện người tham gia tố tụng như hiện nay, BLTTHS năm 2015 bổ sung 09 diện người tham gia tố tụng (gồm: Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố; người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; người chứng kiến; người dịch thuật; người định giá tài sản; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phạm tội)

Thứ hai, Bộ luật bổ sung quyền của những người tham gia tố tụng như: *Đối với người bị buộc tội*, đã bổ sung các quyền nhằm bảo đảm cho họ thực hiện tốt quyền bào chữa và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ, gồm: Quyền được nhận các quyết định tố tụng liên quan đến mình; đưa ra chứng cứ thay vì chỉ có quyền đưa ra tài liệu, đồ vật như hiện nay; trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; bị can có quyền đọc, ghi chép bản sao hoặc tài liệu đã được số hóa liên quan đến việc buộc tội họ trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra; bị cáo có quyền trực tiếp hỏi những người tham gia tố tụng nếu được Chủ tọa phiên tòa đồng ý... (các điều 58, 59, 60, 61). *Đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*, được bổ sung các quyền nhằm giúp họ bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp

pháp của mình như: được cơ quan tố tụng thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ; đưa ra chứng cứ; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị giám định, định giá tài sản; được thông báo kết quả giải quyết vụ án... (các điều 62, 63, 64, 65).

Thứ ba, quy định trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ, bảo đảm các quyền con người của người tham gia tố tụng. Theo đó, Bộ luật bổ sung quy định về trách nhiệm thông báo, giải thích các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng như người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; quy định trách nhiệm của Kiểm sát viên phải hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết để bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của bị can.

Thứ tư, Bộ luật thiết lập cơ chế hữu hiệu để bảo vệ những người tham gia tố tụng tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm, đồng thời tạo cơ sở pháp lý quan trọng để khuyến khích người dân yên tâm hợp tác với các cơ quan tố tụng nhanh chóng khám phá vụ án, theo đó đã bổ sung một chương (Chương XXXIV) quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại

và người tham gia tố tụng khác như: Quy định những đối tượng được bảo vệ gồm người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người thân thích của những người này (Điều 484); quy định đầy đủ các biện pháp bảo vệ để các cơ quan tố tụng lựa chọn như: canh gác, bảo vệ; di chuyển và giữ bí mật chỗ ở, chỗ làm việc, học tập; thay đổi tung tích, lý lịch, đặc điểm nhân dạng; răn đe, cảnh cáo, vô hiệu hóa các hành vi xâm hại và các biện pháp khác (Điều 486); quy định chặt chẽ về thời gian áp dụng các biện pháp bảo vệ; trường hợp chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ phải thể hiện bằng quyết định do Thủ trưởng cơ quan tố tụng ban hành (Điều 488, 489).

3. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua việc quy định chặt chẽ về các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, để đạt được mục đích phát hiện nhanh chóng, chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm đòi hỏi tất yếu phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Mặc dù việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế là để bảo vệ xã hội, bảo đảm hoạt động tố tụng được thực hiện trôi chảy nhưng việc áp dụng các biện pháp này lại động chạm đến quyền tự do cá nhân, quyền bất khả xâm phạm về thân thể và các quyền hiến định khác của công dân. Bởi vậy, yêu cầu đặt ra đối với việc quy định và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế phải rất cụ thể, chặt chẽ, phải trên cơ sở và chỉ trong khuôn khổ quy định của luật. Để đáp ứng yêu cầu này, nhằm bảo đảm chặt chẽ về nội dung và thống nhất về kỹ thuật lập pháp khi quy định các biện pháp này phải có đầy đủ 05 yếu tố: Căn cứ, thời hạn áp dụng, thẩm quyền quyết định, trình tự và thủ tục tiến hành,

BLTTHS năm 2015 đã thu hút toàn bộ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế để điều chỉnh chung trong một chương (Chương VII - Biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế), trong đó, thu hút biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh trong Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 và Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007 ngày 17/8/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để quy định trong Mục I Chương VII BLTTHS năm 2015.

Biện pháp ngăn chặn là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, do đó yêu cầu đặt ra đối với việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS là phải quy định rất cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, khắc phục các quy định có tính “định tính” trong BLTTHS năm 2003 nhằm chống sự tùy nghi, lạm dụng, xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân. Theo đó, Bộ luật đã thay cụm từ “Khi có căn cứ để *cho rằng*” bằng cụm từ “*Có đủ căn cứ để xác định*” (Điều 110).

Nhằm thể hiện tư tưởng tiến bộ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới, so với Điều 120 BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 rút ngắn thời hạn tạm giam để điều tra đối với tội phạm nghiêm trọng là 01 tháng, đối với tội phạm rất nghiêm trọng là 02 tháng (Điều 173). Đối với người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) phạm tội, yêu cầu đặt ra đối với việc sửa đổi BLTTHS là phải thể hiện sâu sắc mức độ ưu tiên đặc biệt trong quá trình tiến hành tố tụng, bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế trong các Điều ước

quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trên cơ sở đó, BLTTHS năm 2015 rút ngắn thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người chưa thành niên, theo đó thời hạn này *bằng hai phần ba (2/3) thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên* (Điều 419).

4. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua việc bổ sung quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Lần đầu tiên, BLTTHS Việt Nam quy định biện pháp điều tra điều tra tố tụng đặc biệt (Chương XVI) để cụ thể hóa yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật...*”, tạo cơ sở pháp lý để thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới, tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh chống tội phạm hiện nay, mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội. Đây là những biện pháp điều tra khám phá tội phạm “đặc biệt” vì hạn chế nhất định tới quyền tự do cá nhân, nhưng trên cơ sở cân nhắc giữa lợi ích của việc điều tra, phát hiện tội phạm và trách nhiệm bảo vệ quyền con người, quyền công dân của chính Nhà nước, BLTTHS năm 2015 đã cho phép áp dụng các biện pháp này. Tuy nhiên, để ngăn ngừa sự tùy tiện, lạm dụng các biện pháp này trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, tránh sử dụng các biện pháp này xâm phạm đến quyền con người, Bộ luật quy định rất chặt chẽ về trình tự, thủ tục, thời hạn áp dụng các biện pháp này. Theo đó, chỉ cho phép áp dụng một số biện pháp gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử (Điều 223); quy định chặt chẽ các trường hợp áp dụng: chỉ đối với các tội xâm

phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền và các tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng (Điều 224); quy định rất hẹp diện chủ thể được áp dụng biện pháp này là Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên và được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn; về thời hạn áp dụng không quá 02 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra (Điều 225 và 226); quy định nghiêm ngặt việc sử dụng các thông tin, tài liệu nhằm bảo vệ bí mật riêng tư của các cá nhân, tổ chức: thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được dùng làm chứng cứ phục vụ cho việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; không được sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác. Những thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải được tiêu hủy kịp thời (Điều 227).

5. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua việc quán triệt sâu sắc nguyên tắc “bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi”

“Bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi” là nguyên tắc của luật pháp quốc tế, là mục tiêu hướng tới trong các chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em, cũng là quan điểm xuyên suốt trong chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em của Đảng, Nhà nước ta.

Xuất phát từ đặc điểm của người dưới 18 tuổi là người chưa trưởng thành đầy đủ về thể chất và nhận thức nên luôn cần được sự quan tâm, bảo vệ của gia đình và xã hội, kể cả trong trường hợp người dưới 18 tuổi có hành vi vi phạm pháp luật. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi và áp dụng hình phạt đối với

họ chỉ được tiến hành trong trường hợp cần thiết, với mục đích chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ các em sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích cho đất nước. Trên cơ sở đó, BLTTHS năm 2015 đã đổi mới sâu sắc các thủ tục tố tụng, có nhiều điều chỉnh quan trọng nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi.

Thứ nhất, để bảo vệ toàn diện, tốt nhất lợi ích cho người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự, phù hợp và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, Bộ luật mở rộng phạm vi điều chỉnh của thủ tục tố tụng đối với người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi, thay vì chỉ có thủ tục cho người dưới 18 tuổi phạm tội như hiện nay.

Thứ hai, nhằm bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự, Bộ luật bổ sung 07 nguyên tắc đặc thù áp dụng đối với quá trình giải quyết các vụ án có người dưới 18 tuổi (Điều 414).

Thứ ba, quy định rõ tiêu chuẩn của người được phân công tiến hành tố tụng trong các vụ án này phải đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi (Điều 415).

Thứ tư, quy định chặt chẽ, cụ thể cách xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi, bảo đảm hợp lý, phù hợp nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, đồng thời bảo vệ được tốt hơn quyền và lợi ích của người bị hại là người dưới 18 tuổi.

Thứ năm, quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người đại diện của người dưới 18 tuổi trong việc

giao và thực hiện giám sát đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cũng như trách nhiệm phối hợp khi phát hiện người dưới 18 tuổi đang được giám sát có hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời (Điều 418).

Thứ sáu, quy định chặt chẽ căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người dưới 18 tuổi nhằm thực hiện khuyến nghị của quốc tế “*bắt, giam, giữ trẻ em chỉ là biện pháp cuối cùng khi không còn biện pháp nào khác thích hợp*”⁽¹⁾. Theo đó, Bộ luật quy định chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết và có căn cứ xác định việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không có hiệu quả (Điều 419).

Thứ bảy, rút ngắn thời hạn tạm giam người dưới 18 tuổi (thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng 2/3 thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên) nhằm đẩy nhanh quá trình giải quyết vụ án, tránh những hậu quả tiêu cực có thể ảnh hưởng đến các em do phải tách khỏi môi trường gia đình, gián đoạn việc học hành, cũng như nguy cơ tái phạm do phải tiếp xúc với những ảnh hưởng xấu từ những người bị giam, giữ khác.

Thứ tám, quy định đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ thủ tục lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng; hỏi cung bị can; đối chất, bảo đảm việc thực hiện các thủ tục tố tụng này phù hợp với thể trạng và tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi, nhằm tránh gây tâm lý căng thẳng cho các em, đáp ứng yêu cầu của Công ước quốc tế về quyền trẻ em như quy định: chỉ được phép lấy lời khai, hỏi cung không quá hai lần trong một ngày và mỗi

lần không quá hai giờ; chỉ tiến hành đối chất giữa bị hại là người dưới 18 tuổi với bị can, bị cáo để làm sáng tỏ tình tiết của vụ án trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án; bắt buộc phải có người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi tham gia khi cơ quan tố tụng tiến hành lấy lời khai, hỏi cung, tạo tâm lý an tâm cho người dưới 18 tuổi (Điều 421).

Thứ chín, quy định việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của người dưới 18 tuổi; phòng xử án được bố trí thân thiện, phù hợp với người dưới 18 tuổi; trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín, để bảo đảm sự khách quan, công khai, minh bạch, tạo điều kiện trợ giúp tốt hơn về mặt tâm lý cho người dưới 18 tuổi tại phiên tòa (Điều 423).

Thứ mười, bổ sung và quy định cụ thể thủ tục áp dụng các biện pháp khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi cơ quan tiến hành tố tụng xét thấy không cần thiết phải áp dụng trách nhiệm hình sự. Việc áp dụng các biện pháp xử lý này với tính chất nhằm thay thế hiệu quả việc áp dụng hình phạt và biện pháp tư pháp là hoàn toàn phù hợp, bảo đảm mục đích giáo dục, phòng ngừa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong tình hình hiện nay nhằm đề cao tính hướng thiện trong đường lối xử lý người dưới 18 tuổi, mang ý nghĩa nhân văn và có vai trò tích cực đối với việc hoàn thiện các trình tự, thủ tục tố tụng, phù hợp với chính sách hình sự xử lý xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội (các điều 427, 428, 429)/.

1 Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em